ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1298 /QĐ-UBND	*Bắc Giang, ngày 27 tháng 11 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án "Đầu tư xây dựng khu dân cư trung tâm thị trấn Bích Động (số 3), huyện Việt Yên"

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 757/TTr-TNMT ngày 24/11/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án "Đầu tư xây dựng khu dân cư trung tâm thị trấn Bích Động (số 3), huyện Việt Yên" (sau đây gọi là Dự án) của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Việt Yên (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức

1. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định[1]: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án; về kết quả thẩm định hồ sơ, tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án tại Điều 1 Quyết định này đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Quyết định số 607/QĐ-UBND ngày 17/6/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án "Đầu tư xây dựng khu dân cư trung tâm thị trấn Bích Động (số 3), huyện Việt Yên" hết hiệu lực kể từ ngày quyết định này có hiệu lực thi hành.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giao thông vận tải, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND huyện Việt Yên, UBND thị trấn Bích Động, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Việt Yên và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Chủ dự án *(trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công)*;
- Văn phòng UBND tỉnh:
  + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
  + Cổng thông tin điện tử tỉnh;
  + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
  + Lưu: VT, KTN Việt Anh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ô Pích

[1] Thành lập theo Quyết định số 1059/QĐ-TNMT ngày 20/10/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN " ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU DÂN CƯ TRUNG TÂM THỊ TRẤN BÍCH ĐỘNG (SỐ 3), HUYỆN VIỆT YÊN"

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Đầu tư xây dựng khu dân cư trung tâm thị trấn Bích Động (số 3), huyện Việt Yên.

- Địa điểm thực hiện: Thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Chủ dự án: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Việt Yên

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Phạm vi: Dự án được xây dựng trên khu đất có diện tích khoảng 11 ha tại thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Quy mô của dự án:

Đầu tư xây dựng đồng bộ các công trình hạ tầng kỹ thuật bao gồm: Giao thông, cấp nước, thoát nước, san nền, cấp điện sinh hoạt, chiếu sáng, thông tin liên lạc, cây xanh…trong phạm vi tổng diện tích khoảng 11ha của dự án được HĐND huyện Việt Yên phê duyệt tại Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 09/11/2021 và Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 19/07/2023.

- Quy mô dân số: khoảng 224 người.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

Các hạng mục công trình của dự án đầu tư gồm: Giao thông, cấp nước, thoát nước, san nền, cấp điện sinh hoạt, chiếu sáng, thông tin liên lạc, cây xanh…

- Hoạt động của dự án đầu tư.

+ Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án.

+ Hoạt động vận hành dự án.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước 2 vụ trở lên với diện tích là 0,5 ha (trong đó: Phần diện tích đã triển khai 9,0 ha có khoảng 7,4 ha đất trồng lúa nước 2 vụ; phần diện tích đất mở rộng khoảng 2,0 ha có khoảng 0,5ha đất trồng lúa nước 02 vụ) là yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

Việc chiếm dụng đất: Dự án chiếm dụng khoảng 0,5 ha đất trồng lúa nước 02 vụ.

- Hoạt động giải phóng mặt bằng:

Tác động do hoạt động chuẩn bị mặt bằng: phát quang thực vật, phá dỡ, dịch chuyển các công trình hiện hữu,...

- Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình, hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc:

+ Bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động đào đắp, san nền, bốc dỡ, lưu giữ nguyên vật liệu xây dựng, từ hoạt động của máy móc thi công xây dựng; Từ quá trình vận chuyển nguyên vật liệu; Từ quá trình thổi bụi mặt đường, trải nhựa đường,...

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân tham gia thi công xây dựng trên công trường; nước thải từ quá trình thi công, rửa máy móc thiết bị và nước mưa chảy tràn trên bề mặt dự án.

+ Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng; Chất thải từ hoạt động đào đắp san nền, đào móng công trình và chất thải rắn xây dựng thông thường.

2.2. Giai đoạn dự án đi vào vận hành

- Phát sinh bụi, khí thải của từ quá trình đun nấu, máy điều hòa nhiệt độ; từ phương tiện giao thông; từ khu tập kết rác thải; từ xây dựng công trình thứ cấp; từ hệ thống thu gom nước thải.

- Nước thải sinh hoạt từ các hộ dân. Nước mưa chảy tràn qua khu vực dự án cuốn theo các chất bẩn vào nguồn tiếp nhận.

- Chất thải rắn thông thường phát sinh từ sinh hoạt của dân cư trong khu vực dự án, từ quá trình bảo dưỡng, duy tu công trình hạ tầng kỹ thuật, xây dựng các công trình thứ cấp; bùn thải từ bể tự hoại, trạm xử lý nước thải;

- Chất thải nguy hại gồm dầu thải, giẻ lau dính dầu, bóng đèn huỳnh quang thải...

- Sự cố tai nạn giao thông, sự cố cháy nổ, sự cố sụt lún, sự cố bão lụt, ngập úng, sét, sự cố hệ thống thu gom chất thải, sự cố trạm biến áp...

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Giai đoạn thi công xây dựng dự án

3.1.1. Nước thải, khí thải

* Nước thải:

- Nước thải sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân khoảng 4,5 m^3/ngày với thông số ô nhiễm đặc trưng chất rắn lơ lửng (SS), các chất hữu cơ (BOD_5) và các vi khuẩn Coli...

- Nước thải thi công: phát sinh từ quá trình vệ sinh máy móc thiết bị, rửa xe... khoảng 4 m^3/ngày với thông số ô nhiễm đặc trưng là chất rắn lơ lửng (SS), tổng N, tổng P, Amoni...

- Nước mưa chảy tràn trên khu vực dự án cuốn đất, dầu mỡ xuống cống thoát nước xung quanh gây bồi lắng hệ thống thoát nước trong khu vực. Thông số ô nhiễm đặc trưng là tổng chất rắn lơ lửng (TSS), COD, dầu mỡ…

* Bụi, khí thải:

+ Bụi từ hoạt động đào đắp, san nền, từ quá trình xúc bốc, lưu trữ nguyên vật liệu xây dựng, vận chuyển đất san nền, nguyên vật liệu thi công xây dựng. Thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi lơ lửng.

+ Khí thải từ hoạt động của phương tiện vận chuyển, máy móc thi công xây dựng có thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, SO_2, NO_2, bụi, VOCs.

+ Bụi, khí thải từ quá trình thổi bụi, trải bê tông nhựa nóng có thông số ô nhiễm đặc trưng là Bụi, VOCs…

3.1.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ quá trình sinh hoạt của công nhân xây dựng khoảng 22,5 kg/ngày.

- Chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động thi công, xây dựng:

+ Chất thải phát sinh từ hoạt động phát quang thực vật với khối lượng khoảng 1,1 tấn, thành phần gồm: gốc, rễ, hoa mầu, cây bụi...

+ Chất thải rắn xây dựng dư thừa gồm có vỏ xi măng, đất đá, cát, sỏi, đầu mẩu sắt, thép, bao bì cát tông, nilong... khoảng 0,45 tấn/ngày

- Chất thải nguy hại từ hoạt động thi công, máy móc thi công xây dựng như giẻ lau dính dầu mỡ, dầu mỡ bôi trơn, que hàn thải, … phát sinh khoảng 187 kg/tháng.

3.1.3. Tiếng ồn, độ rung

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của máy móc thiết bị thi công xây dựng; từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu. Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT áp dụng đối với tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT áp dụng đối với độ rung phát sinh từ dự án.

3.1.4. Các tác động khác

- Tác động lên kinh tế xã hội khu vực: tác động đến các hộ dân mất đất, mất việc làm do thu hồi giải phóng mặt bằng; tác động do chiếm dụng kênh mương; tác động đến giao thông khu vực; tác động đến các hộ dân sống dọc trên tuyến

đường đê vận chuyển các hu dân cư hiện trạng xung quanh dự án, tác động làm thay đổi dòng chảy bề mặt và ngập úng tại khu vực dự án; tác động đến sản xuất nông nghiệp lân cận dự án...

- Tác động do sự cố như: Sự cố cháy nổ, tai nạn lao động, tai nạn giao thông, thiên tai, ngập úng, bồi lắng, trượt, sụt lở, xói mòn; nguy cơ sụt lún các công trình lân cận, tuyến đường vận chuyển, đê điều bị tác động hỏng do vận chuyển nguyên vật liệu …

3.2. Giai đoạn dự án đi vào vận hành

3.2.1. Nước thải, khí thải

* Nước thải:

- Nước thải sinh hoạt:

+ Nước thải sinh hoạt từ các hộ dân, từ khu hỗn hợp thương mại dịch vụ với tổng lượng nước phát sinh 48,26 m^3/ngày với thông số ô nhiễm đặc trưng là chất rắn lơ lửng (SS), các chất hữu cơ (BOD_5) và Coliform…

- Nước mưa chảy tràn qua khu vực dự án cuốn theo các đất, cát, chất lơ lửng vào nguồn tiếp nhận.

* Bụi, khí thải:

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông, từ hoạt động đun nấu. Thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi, CO, NO_2, SO_2…

- Khí thải phát sinh từ hoạt động của máy điều hòa nhiệt độ. Mùi hôi từ khu thu gom rác, khu vực xử lý nước thải tập trung.

3.2.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

* Chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt từ khu đất ở, khu công cộng...phát sinh khoảng 112kg/ngày. Bùn thải từ các bể tự hoại của các công trình phát sinh khoảng 89,60 m^3/năm; bùn từ nạo vét hố ga khoảng 1,75m^3/06 tháng; cành lá cây bị chặt bỏ khoảng 10 m^3/năm.

* Chất thải nguy hại từ hoạt động của khu dân cư như giẻ lau dính dầu mỡ, bóng đèn huỳnh quang hỏng, dầu thải, pin thải,…phát sinh khoảng 268 kg/năm.

3.2.3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn và độ rung phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông đi lại trong dự án là rất thấp, hầu như không đáng kể.

3.2.4. Các tác động khác

- Tác động đến kinh tế xã hội khu vực; tác động đến an ninh trật tự…

- Tác động do sự cố như: Sự cố tai nạn giao thông; sự cố cháy nổ; sự cố bão lụt; sự cố hệ thống thu gom chất thải; sự cố sụt lún công trình, sự cố trạm biến áp...

4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Bố trí 02 nhà vệ sinh di động có dung tích bể chứa nước thải 1.200 lít/nhà. Định kỳ thuê đơn vị chức năng hút bùn cặn, nước thải mang đi xử lý (tần suất khoảng 2 lần/tuần hoặc khi bể chứa đầy),

- Nước mưa chảy tràn:

Tạo rãnh đất thoát nước mưa chiều dài khoảng 500m chiều rộng 1m, chiều sâu 1m, khoảng 50-70m bố trí 01 hố lắng kích thước 1mx1mx1m.

Thường xuyên kiểm tra rãnh thoát nước, cống thu gom, nạo vét bùn tại các hố lắng với tần xuất 02 lần/tuần và trước các trận mưa lớn đề phòng tắc nghẽn, tránh nguy cơ ngập úng.

- Nước thải thi công:

Khu vực bãi rửa xe bố trí rãnh thoát nước dẫn đến hố ga thu nước tạm thời dung tích 3 m^3 (kích thước 2x1x1,5)m để lắng cặn, sau đó tái sử dụng cho thi công. Định kỳ 2 tuần/lần hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom bùn cặn mang đi xử lý theo quy định.

Bố trí 2-3 thùng phuy chứa nước dung tích 220 lít phục vụ rửa dụng cụ xây dựng, sau đó tận dụng cho phối trộn vật liệu xây dựng hoặc dập bụi.

4.1.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Thực hiện phun nước khu vực thi công và trên tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, đặc biệt đoạn đường tổ dân phố Tự; Thượng; Văn Xá với chiều dài tuyến đương phun nước khoảng 01 km đến khu vực dự án với tần suất 04 lần/ngày, tăng tần suất tưới nước trong thời tiết khô hanh, nắng nóng, có gió mạnh lên 6 lần/ngày; tiêu chuẩn nước tưới đường 0,5 lít/m^2.

- Dựng hàng rào tôn cao 2m xung quanh khu vực dự án để cách ly và giảm thiểu bụi tới môi trường xung quanh. Khu vực bãi chứa vật liệu được che chắn bằng ván ép hoặc tôn.

- Bố trí cầu rửa xe tại vị trí cổng công trường xây dựng, thực hiện xịt, rửa bánh xe, thành xe trước khi ra khỏi công trường.

- Trang bị khẩu trang thiết bị bảo hộ lao động đầy đủ như găng tay, nón bảo hộ, kính mắt, khẩu trang bảo vệ...cho công nhân làm việc trên công trường.

- Phương tiện, máy móc thiết bị được kiểm định định kỳ, thường xuyên bảo dưỡng nhằm giảm thiểu khí thải từ quá trình hoạt động.

4.1.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải

nguy hại

4.1.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí 02 thùng rác có nắp đậy dung tích 20-50 lít tại khu vực thi công trên công trường để công nhân thải bỏ chất thải và hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo đúng quy định (tần suất 01lần/ngày).

- Chất thải rắn thông thường được phân loại:

+ Chất thải là thực vật phát quang được tạo điều kiện cho các hộ dân thu gom sử dụng, tận dụng tối đa, phần còn lại được hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyện, xử lý theo quy định.

+ Đất đào hữu cơ được sử dụng vào khuv ực trồng cây xanh của dự án, không cần vận chuyển mang đi đổ thải.

+ Đất rơi vãi trên đường, đá đá, gạch vỡ thừa được thu gom tận dụng làm nguyên liệu san lấp của dự án. Đầu mẩu sắt theo dư thừa, bao xi măng được thu gom bán cho đơn vị thu mua phế liệu.

+ Vật liệu xây dựng dư thừa có thể tái chế được bán cho đơn vị thu mua phế liệu;

+ Chất thải xây dựng còn lại như chất trơ, không tận dụng được: chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải theo quy định với tần suất 01 tuần/lần.

4.1.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Chủ dự án bố trí 06 thùng phi loại 150 lít có nắp đậy, được dán nhãn tên chất thải nguy hại (CTNH), mã CTNH để thu gom, lưu trữ từng loại chất thải riêng biệt; bố trí Container có dung tích 5 m^3 làm khu vực lưu trữ tạm thời CTNH. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại mang đi xử lý theo quy định với tần suất khoảng 06 tháng/lần.

4.1.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Không sử dụng các thiết bị máy móc cũ, lạc hậu có khả năng gây ồn cao.

- Thường xuyên kiểm tra, duy tu bảo dưỡng máy móc đảm bảo hoạt động hiệu quả.

- Lựa chọn các thiết bị có tiếng ồn thấp, kiểm tra sự cân bằng của các máy móc thiết bị. Kiểm tra độ mòn chi tiết và cho dầu bôi trơn thường kỳ.

- Giám sát ô nhiễm tiếng ồn trong thi công, công tác giám sát được thực hiện tại các khu vực, thời điểm nhạy cảm.

- Trang bị cho công nhân các phương tiện bảo hộ lao động để chống ồn, đảm bảo sức khoẻ cho công nhân.

4.1.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

- Bố trí phương tiện thi công ra vào khu vực thi công hợp lý, có cán bộ hướng dẫn, chỉ huy, giám sát hoạt động của các phương tiện thi công.

- Trang bị các dụng cụ, bảo hộ lao động để hạn chế các rủi ro tai nạn lao động có khả năng xảy ra, ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động.

- Thường xuyên kiểm tra, nạo vét các mương thoát nước tạm xung quanh khu vực dự án để hạn chế tắc nghẽn hệ thống thoát nước.

- Ưu tiên hoàn trả kênh N3 đoạn từ K20+619 đến K20+849, kênh hoàn trả có chiều dài 230m, kích thước BxH=2 (1x1)m.

4.2. Giai đoạn vận hành

4.2.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.2.1.1. Công trình và biện pháp thu gom và xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt:

+ Nước thải từ các hộ dân trong khu vực dự án được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 03 ngăn được thoát vào hệ thống cống D300 có giếng thu nước thải phía sau nhà rồi thoát ra hệ thống cống ngầm D300 kết hợp với hố ga trên vỉa hè, nước thải từ dự án được đưa sang bể lắng thể tích 391 m^3 đặt tại dự án "Khu dân cư Văn Xá, thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên", nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, sau đó nước thải được đấu nối với hệ thống thoát nước chung của khu vực qua 01 điểm xả bằng cống D400, trong thời gian chờ đấu nối với trạm xử lý nước thải tập trung công suất 3.500 m^3/ngày.đêm theo quy hoạch của Khu trung tâm đô thị, thể thao và văn hóa thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên (tỷ lệ 1/500).

- Nước mưa chảy tràn: Hệ thống thoát nước mưa của khu vực dự án xây dựng là hệ thống thoát nước riêng với hệ thống thoát nước thải, hoạt động theo chế độ tự chảy. Trên hệ thống có bố trí các hố ga, hố thu để thu gom nước mưa chảy tràn, lắng cặn, hệ thống thoát nước mưa được thiết kế theo thoát nước theo hướng từ Nam lên Bắc và từ Đông sang Tây.

4.2.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Trồng cây xanh, thảm cỏ trong trên diện tích đất cây xanh, dọc tuyến đường giao thông trong khu vực dự án để hạn chế ô nhiễm không khí, tạo môi trường vi khí hậu thoáng mát, tạo cảnh quan cho khu dân cư.

- Thường xuyên vệ sinh sân, đường giao thông, đường nội bộ trong khu vực dự án.

- Định kỳ (6 tháng/lần) nạo vét, thu gom, xử lý chất thải từ nạo vét cống rãnh giảm thiểu khả năng sinh mùi hôi.

4.2.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

4.2.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường.

- Chất thải rắn sinh hoạt:

+ Bố trí 30 thùng rác ven tuyến đường, khu công cộng cứ khoảng 100m bố trí 01 thùng. Hàng ngày rác thải được đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển xử lý theo quy định.

+ Bùn thải từ công trình bể tự hoại dược các hộ dân có trách nhiệm hút bùn cặn, thu gom xử lý theo quy định.

+ Chất thải duy tu bảo dưỡng công trình hạ tầng kỹ thuật được vị có chức năng được giao quản lý dự án sau khi hoàn thành thực hiện thu gom, vận chuyển xử lý theo quy định.

4.2.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Đối với chất thải nguy hại tại hộ gia đình: Đơn vị được bàn giao quản lý dự án phổ biến các quy định, cách thức thu gom, phân loại chất thải nguy hại và quản lý theo đúng quy định hiện hành. Các hộ gia đình chịu trách nhiệm thu gom, quản lý, xử lý chất thải nguy hại phát sinh tại gia đình mình theo quy định.

4.2.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

Trồng dải cây xanh trong khu vực dự án có tác dụng giảm thiểu tiếng ồn, độ rung từ phương tiện giao thông, đồng thời tạo cảnh quan, điều tiết vi khi khí hậu khu vực.

4.2.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

- Mạng lưới cấp nước cho hệ thống phòng cháy, chữa cháy của khu vực thực hiện dự án được tổ chức theo mạng lưới vòng, đảm bảo cấp nước cho phòng cháy chữa cháy được tốt nhất.

- Tổ chức nạo vét hệ thống cống rãnh thoát nước, khơi thông dòng chảy, tăng khả năng tiêu thoát úng, thoát nước cho khu vực dự án đặc biết trong mùa mưa bão.

- Tuyên truyền để người dân sinh sống trong khu vực dự án có ý thức thu gom rác đúng quy định, không vứt rác bừa bãi gây ô nhiễm môi trường.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

a. Giai đoạn thi công, xây dựng:

Không khí làm việc

- Vị trí giám sát: 01 vị trí giám sát (khu vực thi công xây dựng).

- Thông số giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, bụi, tiếng ồn, độ rung, CO, SO_2, NO_2

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 02:2019/BYT; QCVN 03:2019/BYT; QCVN 26:2016/BYT, QCVN 24:2016/BYT, QCVN 27:2016/BYT.

Các tiêu chuẩn, quy chuẩn được sử dụng để so sánh đánh giá chất lượng môi trường trong chương trình giám sát nêu trên là những tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành phù hợp với thời điểm quan trắc, giám sát theo quy định.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác đối với chủ dự án

- Thực hiện đúng, đầy đủ các giải pháp bảo vệ môi trường đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định, tổ chức thu gom, xử lý toàn bộ các loại chất thải thi công và chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường;

- Hoàn thành xây dựng, vận hành các công trình, thiết bị xử lý chất thải phát sinh đảm bảo xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành trước khi thải ra môi trường; thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải và tiếng ồn đảm bảo các quy định về an toàn và vệ sinh môi trường.

- Tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định về ứng cứu sự cố và các quy định pháp luật hiện hành khác trong quá trình thực hiện dự án;

- Thực hiện đúng quy định pháp luật về đất đai và các quy định pháp luật liên quan trước khi triển khai dự án.

- Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định, chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường;

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 757/TTr-TNMT ngày 24/11/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án./.